

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **09/2025/DS – ST**

Ngày 11/3/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Lan**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- DS ngày 10/02/2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST- DS ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Anh **Vương Xuân K**, sinh năm 1977

2. Chị **Hoàng Phạm Uyên V**, sinh năm 2002

Địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ I, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Huỳnh Tấn N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ A, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Xuân H** và Luật sư **Phạm Thị N1**.

Địa chỉ: số B (Lầu C) N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(tất cả các đương sự và luật sư đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Năm 2022 chị Nguyễn Thị Ngọc B là nhân viên của chị Nguyễn Thị P tại công ty TNHH MTV T. Do chị P nói kẹt tiền nên nhờ chị B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền Ngân hàng giúp chị P với số tiền vay 6.223.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 27/10/2022 chị B vay của Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H số tiền 2.000.000.000 đồng, khi vay thế chấp thửa đất số 312, tờ bản đồ số 10 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Ngày 28/10/2022 chị B vay của Ngân hàng TMCP Q với số tiền 4.223.000.000 đồng, khi vay thế chấp thửa đất số 377, tờ bản đồ số 29 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra khi vay tiền thì Ngân hàng TMCP Q còn cấp cho chị B 01 Thẻ tín dụng số 7848030075957428, chị P là người đã sử dụng thẻ tín dụng này và số tiền còn nợ thẻ tín dụng là 51.885.070 đồng.

Tất cả khoản tiền vay trên sau khi Ngân hàng giải ngân thì chị P là người trực tiếp sử dụng. Chị P cam kết hàng tháng sẽ chuyển tiền cho chị B trả cho Ngân hàng Đ. Kể từ khi vay tiền chị P đã thực hiện đúng cam kết được 05 tháng. Bắt đầu từ tháng 4/2023 thì chị P không thực hiện việc trả tiền cho Ngân hàng TMCP Q và từ tháng 6/2023 không trả tiền cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H.

Việc chị B đứng ra vay tiền Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H và Ngân hàng TMCP Q thay cho chị P thì hai bên có làm giấy xác nhận và giấy giấy xác nhận mua bán đất viết tay lập ngày 04/4/2023 đối với khoản vay 4.223.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Q; còn đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H thì hai bên không làm văn bản gì.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Q đã khởi kiện chị B yêu cầu trả số tiền vay như trên. Toà án huyện Cẩm Mỹ đã xét xử vụ án trên tại Bản án số 03/2024 ngày 20/9/2024 buộc chị B và anh Huỳnh Tấn N (chồng chị B) phải trả số tiền vay cho Ngân hàng TMCP Q. Bên cạnh đó Ngân hàng phát triển Thành phố H cũng nhiều lần liên hệ yêu cầu chị B phải thanh toán khoản nợ vay trên cho Ngân hàng

Chị B đã nhiều lần trao đổi với chị P, yêu cầu chị P trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay chị P vẫn không trả số tiền vay của Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H cũng như số tiền được cấp theo thẻ tín dụng số 7848030075957428 cho chị B.

Nay chị Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Huỳnh Tấn N số tiền 4.223.000.000 đồng mà chị B đã vay giúp chị P tại Ngân hàng TMCP Q và tiền lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng), tính từ ngày 29/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (11/3/2025).

+ Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Huỳnh Tấn N số tiền 2.000.000.000 đồng mà chị B đã vay giúp chị P tại Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H và tiền lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng), tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (11/3/2025).

+ Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 51.885.070 đồng mà chị P đã sử dụng trong thẻ tín dụng số 4848030075957428 của chị B tại Ngân hàng TMCP Q, không yêu cầu trả lãi suất.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:**

Chị xác định các khoản tiền vay, tiền thẻ tín dụng như chị B đã trình bày trong đơn khởi kiện là do vợ chồng chị B, anh N đứng ra vay Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H dùng chị, tất cả số tiền vay, sau khi vợ chồng chị B vay của Ngân hàng X đều do chị là người trực tiếp sử dụng. Chị xác định giấy xác nhận và giấy giấy xác nhận mua bán đất viết tay lập ngày 04/4/2023 do chị và chị B, anh N lập và ký tên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị B thì chị P đồng ý trả các khoản tiền trên cho vợ chồng chị B, anh N với điều kiện chị B, anh N phải cân trừ số tiền anh N, chị B còn nợ chị là khoản tiền vay hơn 3 tỷ đồng để đáo hạn nợ vay của Ngân hàng TMCP Q1 và số tiền chị hùn vốn 2/3 cùng với chị B, anh N mua đất và hai bên thống nhất để chị B, anh N đứng tên trên chủ sở hữu đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ số 29 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai và thửa đất này đã được chị B, anh N thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q để bảo đảm khoản tiền vay trên.

*** Tại đơn xin vắng mặt anh Huỳnh Tấn N trình bày:**

Anh thống nhất với toàn bộ nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B và có đơn xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hoà giải và xét xử.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiến nghị khắc phục vi phạm này.

+ Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của chị B về việc buộc chị P trả lại số tiền gốc mà chị B đã

vay của Ngân hàng TMCP Q là 4.223.000.000 đồng và số tiền vay của Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H là 2.000.000.000 đồng, tiền thẻ tín dụng số 4848030075957428 tại Ngân hàng TMCP Q là 51.885.070 đồng dư chi P. Quá trình giải quyết vụ án chi P cũng xác định các khoản tiền vay như chi B đã trình bày là do vợ chồng chi B, anh N đứng ra vay Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H dư chi nên yêu cầu khởi kiện này của chi B là có căn cứ chấp nhận.

Chi P cho rằng đồng ý trả các khoản tiền trên cho vợ chồng chi B, anh N với điều kiện chi B, anh N phải cân trừ số tiền anh chi còn nợ chi P khoản tiền vay hơn 3 tỷ đồng để đáo hạn khoản nợ vay của Ngân hàng TMCP Q1 và số tiền chi hùn vốn 2/3 cùng với chi B, anh N mua đất và hai bên thống nhất để chi B, anh N đứng tên trên chủ sở hữu đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ số 29 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nhưng chi P không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền chi yêu cầu phải cân trừ trong vụ án này. Vì vậy, không xem xét, giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp giữa chi P và chi B, anh N đối với số tiền chi P cho rằng chi B, anh N còn nợ chi và phải cân trừ thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ vụ án khác.

- Đối với yêu cầu của chi B về việc buộc chi P trả lãi suất đối với số tiền 4.223.000.000 đồng tính từ ngày 29/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (11/3/2025) và tiền lãi suất đối với số tiền 2.000.000.000 đồng tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (11/3/2025) theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Xét thấy mức lãi suất mà chi B yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chi Nguyễn Thị Ngọc B về việc buộc chi Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chi B và anh N số tiền nợ gốc và lãi suất theo chi B yêu cầu.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa và sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chi Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện chi Nguyễn Thị P yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi suất đối với số tiền chi B đã vay dư Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H cho chi P. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chi Nguyễn Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị P vẫn vắng mặt không có lý do, còn anh K, chị V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tư cách đương sự và uỷ quyền:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B xác định Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị B có ý kiến đề nghị không đưa Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H vào tham gia trong vụ án. Xét thấy, Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án. Vì vậy, Tòa án không đưa Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc B có văn bản ủy quyền cho anh Vương Xuân K và chị Hoàng Phạm Uyên V. Xét việc ủy quyền trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc:

Chị B khởi kiện yêu cầu chị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc chị B đã vay của Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H dùng chị P và tiền trong thẻ tín dụng số 4848030075957428 của chị B tại Ngân hàng TMCP Q mà chị P đã sử dụng với tổng số tiền là 6.274.885.070 đồng, trong đó số tiền chị B đã vay của Ngân hàng TMCP Q là 4.223.000.000 đồng, số tiền vay của Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H là 2.000.000.000 đồng, tiền thẻ tín dụng số 4848030075957428 của chị B tại Ngân hàng TMCP Q là 51.885.070 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị B đã cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận và giấy giấy xác nhận mua bán đất viết tay lập ngày 04/4/2023 đối với khoản vay 4.223.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Q, chị P cũng xác định chữ ký, chữ viết trong các giấy này là do chị viết và ký tên. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, chị P cũng xác định các khoản tiền vay như chị B đã trình bày là do vợ chồng chị B, anh N đứng ra vay Ngân hàng TMCP Q và Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H dùng chị. Tất cả số tiền vay, sau khi

vợ chồng chị B vay của Ngân hàng X đều do chị là người trực tiếp sử dụng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị P cho rằng đồng ý trả các khoản tiền trên cho vợ chồng chị B, anh N với điều kiện chị B, anh N phải cân trừ số tiền anh chị còn nợ chị P khoản tiền vay hơn 3 tỷ đồng để đáo hạn khoản nợ vay của Ngân hàng TMCP Q1 và số tiền chị hùn vốn 2/3 cùng với chị B, anh N mua đất và hai bên thống nhất để chị B, anh N đứng tên trên chủ sở hữu đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ số 29 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai và thửa đất này đã được chị B, anh N thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q để bảo đảm khoản tiền vay trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P chỉ có ý kiến trình bày mà không có đơn khởi kiện phản tố đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền chị yêu cầu phải cân trừ trong vụ án này. Vì vậy, không xem xét, giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp giữa chị P và chị B, anh N đối với số tiền chị P cho rằng chị B, anh N còn nợ chị và phải cân trừ thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ vụ án khác.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Vì vậy, toàn bộ lời khai và các tài liệu chứng cứ do chị B cung cấp được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận làm cơ sở giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị B đối với số tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Buộc chị P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị B, anh N tổng số tiền gốc là 6.274.885.070 đồng, trong đó số tiền chị B đã vay của Ngân hàng TMCP Q là 4.223.000.000 đồng, số tiền chị B đã vay của Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H là 2.000.000.000 đồng, tiền thẻ tín dụng số 4848030075957428 của chị B tại Ngân hàng TMCP Q là 51.885.070 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất:

Chị B yêu cầu chị P trả tiền lãi suất đối với số tiền 4.223.000.000 đồng mà chị B đã vay giúp chị P tại Ngân hàng TMCP Q từ ngày 29/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (11/3/2025) và tiền lãi suất đối với số tiền 2.000.000.000 đồng mà chị B đã vay giúp chị P tại Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố H tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (11/3/2025) theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng).

Xét thấy: Do chị P vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Các bên không thỏa thuận lãi suất và có tranh chấp nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ là 10%/năm. Chị B yêu cầu với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,8333%/tháng) là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp

nhận mức lãi suất này để giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn. Số nợ gốc tại từng thời điểm cụ thể như sau:

+ Lãi suất của số tiền 4.223.000.000 đồng từ ngày 29/3/2023 đến ngày 11/3/2025 là: $4.223.000.000đ \times 0,8333\%/tháng \times 01 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 824.931.233 \text{ đồng}$.

+ Lãi suất của số tiền 2.000.000.000 đồng từ ngày 29/5/2023 đến ngày 11/3/2025 là: $2.000.000.000 \text{ đ} \times 0,8333\%/tháng \times 01 \text{ năm } 09 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 357.260.274 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi suất là: 1.182.191.507 đồng (làm tròn 1.182.192.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Huỳnh Tấn Nghĩa L: 6.274.885.070 đồng + 1.182.192.000 đồng = 7.457.077.070 đồng (làm tròn 7.457.077.000 đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí bị đơn phải nộp là: 7.457.077.000 đồng = 112.000.000 đồng + $(0,1\% \times 3.457.077.000 \text{ đồng}) = 115.457.077 \text{ đồng}$ (làm tròn 115.457.000 đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về phần nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và kiến nghị khắc phục vi phạm là đúng nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Huỳnh Tấn N tổng số tiền: 7.457.077.000 đồng (bảy tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 6.274.885.000 đồng, lãi suất là 1.182.192.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải

chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí:

- Buộc chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 115.457.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 57.553.000 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0011846 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. Cẩm Mỹ.
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên

